

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU
NGÔ QUYỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	11 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 điều chỉnh lần 2 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

2. Thành viên của Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Châu Sang	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang , ngày 06 tháng 01 năm 2009

GIÁM ĐỐC

HUỲNH CHÂU SANG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2009

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.856.388.630	29.533.341.783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	354.353.775	295.471.602
1. Tiền	111		354.353.775	295.471.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	12.732.082.490	13.403.507.816
1. Phải thu khách hàng	131		12.136.801.629	12.579.060.641
2. Trả trước cho người bán	132		593.898.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		19.675.896	842.740.210
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.293.035)	(18.293.035)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	14.161.892.971	14.487.551.651
1. Hàng tồn kho	141		14.161.892.971	14.487.551.651
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	(5.4)	2.608.059.394	1.346.810.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		232.117.144	102.509.880
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.825.171.197	960.727.437
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		550.771.053	283.573.397

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.651.267.636	7.494.501.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.238.654.258	7.246.256.677
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	6.917.562.944	7.246.256.677
- Nguyên giá	222		9.991.589.691	9.329.400.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.074.026.747)	(2.083.143.782)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.6)	4.321.091.314	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		412.613.378	248.244.979
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	412.613.378	248.244.979
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.507.656.266	37.027.843.439

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.435.382.546	22.229.038.969
I. Nợ ngắn hạn	310		27.035.382.546	20.222.874.532
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	16.330.502.900	15.183.807.200
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	7.923.707.183	3.469.799.377
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	270.059.012	135.005.170
5. Phải trả người lao động	315		934.201.584	720.141.652
6. Chi phí phải trả	316	(5.11)	462.988.067	535.366.897
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	1.113.923.800	178.754.236
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		400.000.000	2.006.164.437
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.13)	400.000.000	2.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	6.164.437
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.14)	14.072.273.720	14.798.804.470
I. Vốn chủ sở hữu	410		13.549.550.929	14.500.232.884
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		728.529.202	2.330.722.338
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		355.522.637	181.658.680
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		465.499.090	1.987.851.866
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		522.722.791	298.571.586
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		522.722.791	298.571.586
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.507.656.266	37.027.843.439

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ			
+ USD		12.237,42	1.032,62
+ EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 06 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ THẾ TRỌNG

HUỲNH CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		176.016.926.714	150.214.316.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.580.200	261.678.593
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	(6.1)	175.993.346.514	149.952.637.861
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	158.864.640.796	136.539.443.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.128.705.718	13.413.194.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.510.676.978	217.380.956
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.910.388.321	1.161.309.926
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.910.388.321	916.820.390
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	9.072.333.967	6.894.159.916
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	3.044.700.647	2.316.366.836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		4.611.959.761	3.258.738.504
11. Thu nhập khác	31		32.792.483	750.399.565
12. Chi phí khác	32		-	263.368.505
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		32.792.483	487.031.060
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.644.752.244	3.745.769.564
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	614.870.280	524.407.796
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.029.881.964	3.221.361.768
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.030	3.221

Ngày 06 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ THẾ TRỌNG

HUỲNH CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.644.752.244	3.745.769.564
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		990.882.965	1.006.961.484
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		485.055.674	(16.750.080)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(184.754.032)	(147.226.275)
Chi phí lãi vay	06		1.910.388.321	916.820.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.846.325.172	5.505.575.083
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.360.216.090)	(6.551.680.918)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		325.658.680	(6.472.402.023)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		148.224.858	1.077.497.130
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(293.975.663)	102.886.085
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.910.388.321)	(916.820.390)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(418.534.825)	461.332.036
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		545.102.950	387.885.453
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(653.453.715)	(886.855.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.228.743.046	(7.292.583.466)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.463.280.546)	(4.762.112.069)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	392.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		184.754.032	5.257.053
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.278.526.514)	(4.364.582.289)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		199.983.267.458	131.535.457.700
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(200.889.876.458)	(118.462.488.200)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(1.941.122.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.906.609.000)	11.131.846.952
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		43.607.532	(525.318.803)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		295.471.602	815.061.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.274.641	5.729.209
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		354.353.775	295.471.602

Ngày 06 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ THẾ TRỌNG

HUỲNH CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 điều chỉnh lần 2 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 là 17.743.590.000 đồng.

Theo Giấy phép đầu tư đăng ký lần đầu số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 số vốn điều lệ của Công ty là 17.743.590.000 đồng.

Theo Giấy phép đầu tư đăng ký lần 2 số 56-03-000043 ngày 24 tháng 05 năm 2006 số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng.

Theo thông báo số 1719/TB-TTLK ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Công ty phát hành cổ phiếu thương mại quỹ đầu tư phát triển tăng vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng từ ngày 31 tháng 12 năm 2008, nâng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 12.000.000.000 đồng.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 326-328 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Chế biến, xuất khẩu thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến liên quan đến hoạt động bình thường của công ty.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao theo Quyết định 206/2003-QĐ-BTC ngày 12-12-2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	06 năm
+ Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

4.5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu là vật tư dùng cho phân xưởng sản xuất, thời gian phân bổ là từ 03 đến 12 tháng (dưới 1 năm).

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là máy móc thiết bị không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định và những chi phí khác cần phân bổ trong nhiều kỳ. Thời gian phân bổ các chi phí này là từ 12 đến 60 tháng (trên 1 năm đến 5 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Tiền lương

Tổng quỹ lương thực hiện tính vào chi phí được căn cứ theo đơn giá tiền lương được thẩm định của liên ngành Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh Xã hội Tỉnh Kiên Giang.

- Tổng quỹ tiền lương: 8.743.195.655 đồng
- Tổng số lao động bình quân: 410 người
- Tiền lương bình quân: 1.777.072 đồng/người/tháng

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 14% lợi nhuận trước thuế

Quỹ dự phòng tài chính bằng 5% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi lợi nhuận đã trích

Quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 20% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi lợi nhuận đã trích.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.10. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp : Theo thông báo số 112/TB-CT ngày 02 tháng 08 năm 2005 của Cục Thuế Tỉnh Kiên Giang, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong ba năm tiếp theo. Và theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý 4 năm 2008.

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	54.244.622	83.716.239
Tiền gửi ngân hàng	300.109.153	211.755.363
Tổng cộng	354.353.775	295.471.602

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	12.136.801.629	12.579.060.641
Trả trước cho người bán	593.898.000	-
Các khoản phải thu khác	19.675.896	842.740.210
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.293.035)	(18.293.035)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	12.732.082.490	13.403.507.816

5.3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	568.673.324	753.613.476
Công cụ, dụng cụ	568.498.952	564.936.151
Thành phẩm	13.024.720.695	13.169.002.024
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.161.892.971	14.487.551.651

(Phần tiếp theo ở trang 16)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	232.117.144	102.509.880
Thuế GTGT được khấu trừ	1.825.171.197	960.727.437
Tạm ứng	250.771.053	283.573.397
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	-
Tổng cộng	2.608.059.394	1.346.810.714

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.827.068.863	7.189.610.550	192.714.421	120.006.625	9.329.400.459
Tăng trong kỳ	47.508.745	614.680.487	-	-	662.189.232
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.874.577.608</u>	<u>7.804.291.037</u>	<u>192.714.421</u>	<u>120.006.625</u>	<u>9.991.589.691</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	790.912.159	1.113.936.166	107.904.886	70.390.571	2.083.143.782
Khấu hao trong năm	178.573.348	754.064.808	28.559.528	29.685.281	990.882.965
Số dư cuối năm	<u>969.485.507</u>	<u>1.868.000.974</u>	<u>136.464.414</u>	<u>100.075.852</u>	<u>3.074.026.747</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	<u>1.036.156.704</u>	<u>6.075.674.384</u>	<u>84.809.535</u>	<u>49.616.054</u>	<u>7.246.256.677</u>
Tại ngày cuối năm	<u>905.092.101</u>	<u>5.936.290.063</u>	<u>56.250.007</u>	<u>19.930.773</u>	<u>6.917.562.944</u>

- Toàn bộ tài sản đã được đem đi thế chấp để bảo đảm cho các khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng Phát Triển Kiên Giang (Xem thêm mục 5.8 và 5.13).
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 405.211.043 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí XDCCB dở dang	4.321.091.314	-

Là chi phí liên quan đến việc xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Cậy-Kiên Giang tại khu cảng cá Tắc Cậy, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số năm nay	Số năm trước
Số dư đầu năm	248.244.979	342.164.154
Tăng trong năm	405.515.355	160.445.819
Phân bổ chi phí trong năm	(241.146.956)	(254.364.994)
Số dư cuối năm	412.613.378	248.244.979

5.8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	15.530.502.900	15.183.807.200
Nợ dài hạn đến hạn trả	800.000.000	-
Tổng cộng	16.330.502.900	15.183.807.200

Vay ngắn hạn là các khoản vay tại các ngân hàng, thời hạn vay từ 1 năm trở xuống, lãi suất bình quân là 1,035%/tháng, được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng hóa của Công ty (xem thêm mục 5.5).

5.9. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	7.923.707.183	3.469.799.377

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.362.215	63.075.760
Thuế thu nhập cá nhân	10.696.797	71.929.410
Tổng cộng	270.059.012	135.005.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các chi phí về vận chuyển.

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	34.306.039	10.396.587
Bảo hiểm y tế	3.412.888	12.941.055
Kinh phí công đoàn	61.204.873	56.666.594
Cổ tức phải trả	1.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.000.000	98.750.000
Tổng cộng	1.113.923.800	178.754.236

5.13. Vay dài hạn

Vay dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương – Chi nhánh Kiên Giang. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 0,94%/tháng, được đảm bảo bằng máy móc thiết bị cấp đông (xem thêm mục 5.5).

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	822.212.054	180.708.756	489.625.913	2.932.625.419	14.425.172.142
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	3.221.361.768	3.221.361.768
Tăng khác	-	1.508.510.284	80.908.632	591.777.287	-	2.181.196.203
Giảm khác	-	-	79.958.708	782.831.614	4.166.135.321	5.028.925.643
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	2.330.722.338	181.658.680	298.571.586	1.987.851.866	14.798.804.470
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.029.881.964	4.029.881.964
Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển	2.000.000.000	-	-	-	-	2.000.000.000
Tăng khác	-	650.265.314	173.863.957	1.205.204.019	-	2.029.333.290
Giảm khác	-	2.252.458.450	-	981.052.814	5.552.234.740	8.785.746.004
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	728.529.202	355.522.637	522.722.791	465.499.090	14.072.273.720

(Phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Tại thời điểm đầu năm	1.987.851.866	2.932.625.419
Lợi nhuận sau thuế trong năm	4.029.881.964	3.221.361.768
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(650.265.314)	(1.508.510.284)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(173.863.957)	(80.908.632)
Trích lập Quỹ khen thưởng	(660.101.069)	(539.390.875)
Chia cổ tức	(3.900.000.000)	(1.926.922.930)
Các khoản khác	(168.004.400)	(110.402.600)
Tại thời điểm cuối năm	465.499.090	1.987.851.866

5.14.3 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Tỷ lệ cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán	20%	19%

5.14.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.14.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.030	3.221

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	175.982.502.429	149.735.481.832
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.424.285	478.834.622
Giảm giá hàng bán	(23.580.200)	(58.835.843)
Hàng bán bị trả lại	-	(202.842.750)
Doanh thu thuần	175.993.346.514	149.952.637.861

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	158.864.640.796	136.539.443.635

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	184.754.032	5.257.053
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.325.922.946	212.123.903
Tổng cộng	1.510.676.978	217.380.956

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.910.388.321	916.820.390
Lỗ bán ngoại tệ	-	244.489.536
Tổng cộng	1.910.388.321	1.161.309.926

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.650.085.612	1.726.177.541
Chi phí bằng tiền khác	7.422.248.355	5.167.982.375
Tổng cộng	9.072.333.967	6.894.159.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.742.004.687	1.048.309.780
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.807.345	62.606.847
Thuế, phí và lệ phí	547.269.290	437.880.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.840.772	124.567.904
Khác	569.778.553	643.002.182
Tổng cộng	3.044.700.647	2.316.366.836

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	4.644.752.244	3.745.769.564
Thuế suất	14%	14%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008	650.265.314	524.407.796
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong quý 4 năm 2008	(35.395.034)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	614.870.280	524.407.796

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Những thông tin khác

7.1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên dưới đây được xem là các bên có liên quan theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên có liên quan

Họ tên	Mối quan hệ
Ông Huỳnh Châu Sang	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
Ông Võ Thế Trọng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

7.2. Lương của Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị

	Năm nay
Lương Giám đốc và Chủ tịch HĐQT	124.764.545
Thù lao Hội đồng quản trị	33.660.000
Tổng cộng	158.424.545

7.3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Giám đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 06 tháng 01 năm 2009.

Ngày 06 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ THẾ TRỌNG

HUỲNH CHÂU SANG